

# VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC CÔNG CHỨC TRONG NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

ThS LÊ THỊ HÀNG\*

## 1. Quan niệm về đạo đức công chức.

Đạo đức công chức (ĐĐCC) là một bộ phận của đạo đức xã hội, gắn với hoạt động của công chức, chủ yếu là hoạt động công vụ nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của công chức trong quá trình quản lý xã hội. Là một bộ phận của đạo đức xã hội, ĐĐCC vừa là một loại hình của đạo đức nghề nghiệp (ĐĐNN) (công vụ), vừa là đạo đức của một bộ phận xã hội (công chức).

Là một dạng của ĐĐNN, ĐĐCC gồm những quan điểm, nguyên tắc, giá trị và chuẩn mực đánh giá, điều chỉnh tư tưởng, hành vi và quan hệ của đội ngũ công chức.

Trong xã hội có bao nhiêu nghề thì có bấy nhiêu ĐĐNN. ĐĐNN là đạo đức xã hội, thể hiện một cách đặc thù, cụ thể trong các hoạt động nghề nghiệp. Với tính cách là một dạng của đạo đức xã hội, nó quan hệ chặt chẽ với đạo đức cá nhân, thông qua đạo đức cá nhân để thể hiện. Đồng thời, ĐĐNN liên quan với hoạt động nghề và gắn liền với một kiểu quan hệ sản xuất trong một giai đoạn lịch sử nhất định nên nó cũng mang tính giai cấp, tính dân tộc. Chẳng hạn, đạo đức nghề y (y đức) từ thời cổ đại đến nay đều có những chuẩn mực chung, lấy việc cứu người làm điều thiện, nhưng người thầy thuốc dưới chế độ XHCN nâng những giá trị đạo đức đó lên phù hợp với đạo đức của con người XHCN. ĐĐNN mang tính giai cấp nên quan điểm về nghề nghiệp, thái độ đối với nghề nghiệp trong mỗi chế độ xã hội cũng khác nhau.

ĐĐNN có vai trò xã hội to lớn, nó không chỉ là một nhánh đặc sắc trong hệ thống đạo đức xã hội mà còn là một cấp độ phát triển đạo đức tiêu biểu, một loại đạo đức đã được thực tiễn hoá. Chẳng hạn, trong quá trình xây dựng đạo đức mới XHCN ở nước ta hiện nay, mỗi cán bộ, công chức đều phải lấy yêu cầu vị công tác, yêu nghề nghiệp, chân thành giữ chữ tín, làm việc hợp đạo lý, có hiệu quả, năng suất cao, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc và cống hiến cho xã hội làm nội dung chủ yếu của ĐĐNN. Đó là chuẩn mực ĐĐNN nói chung mà tất cả các công chức đều phải tuân theo.

Nói đến đạo đức là nói tới lương tâm. Trong hoạt động nghề nghiệp của mình, công chức phải có lương tâm. Lương tâm nghề nghiệp là biểu hiện tập trung nhất của ý thức đạo đức, vừa là dấu hiệu, vừa là thước đo sự trưởng thành của đời sống đạo đức cá nhân. Mỗi công chức, với tư cách là một chủ thể đạo đức đã trưởng thành bao giờ cũng là một người sống có lương tâm và điều đó thể hiện rõ nét nhất trong hoạt động nghề nghiệp.

Lương tâm nghề nghiệp của công chức là ý thức trách nhiệm đối với hành vi của mình trong quan hệ nghề nghiệp với người khác, với xã hội và ý thức trách nhiệm với số phận của mọi người, là sự tự phán xử về các hoạt động, các hành vi nghề nghiệp của mình. Trong hoạt động nghề nghiệp

\* Học viện Hành chính.

nếu không biết tự hổ thẹn, sẽ không nâng cao được tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kết quả của hoạt động nghề nghiệp không những không có tác dụng đối với xã hội mà còn ảnh hưởng xấu đến xã hội.

Nghĩa vụ nghề nghiệp và lương tâm nghề nghiệp luôn luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nghĩa vụ nghề nghiệp là trách nhiệm của người làm nghề trước xã hội và trước người khác, còn lương tâm là sự tự phán xét, tự ý thức về trách nhiệm đó. Vì thế, có thể nói, ý thức về nghĩa vụ nghề nghiệp là nền tảng, là cơ sở để hình thành lương tâm nghề nghiệp của người cán bộ, công chức.

Nghĩa vụ ĐĐNN không chỉ là sự đòi hỏi, yêu cầu của cơ quan, đoàn thể, của xã hội đối với công chức mà còn là nhu cầu của sự tiến bộ, hoàn thiện nhân cách của bản thân mỗi người. Vì thế, nghĩa vụ ĐĐNN không phải là sự ép buộc từ bên ngoài mà là sự gắn bó chặt chẽ với ý thức về lẽ sống, hạnh phúc và triết lý sống của công chức. Trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp cũng vậy, nghĩa vụ ĐĐNN đòi hỏi công chức phải giải quyết một cách hài hoà giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể, lợi ích của đối tác và lợi ích của toàn xã hội. Mỗi bước tiến bộ của công chức đều gắn liền với sự phát triển của cơ quan, đoàn thể, sự tiến bộ xã hội và sự trưởng thành về mặt nhân cách công chức.

Nếu nghĩa vụ pháp lý là sự bắt buộc thì nghĩa vụ đạo đức lại bao chứa tình cảm trách nhiệm của công chức trước người khác, trước tập thể và xã hội, thôi thúc, khao khát được hành động vì lợi ích chung. Thực hiện nghĩa vụ đạo đức là sự tự giác, không bị ràng buộc bởi động cơ cá nhân mang tính chất vụ lợi. Giáo dục ý thức về nghĩa vụ đạo đức có tác dụng quan trọng đối với quá trình hình thành nhân cách. Đó là sự thống nhất của quá trình nhận thức và hành động thực tiễn đạo đức

của mỗi cá nhân. Nó trải qua quá trình rèn luyện, phấn đấu của chủ thể đạo đức, vượt qua những cám dỗ vật chất nhỏ nhen, ích kỉ và những toan tính tầm thường của cuộc sống hết sức đa dạng, phức tạp để đạt tới sự thành công trong hoạt động nghề nghiệp của công chức vì nền hành chính quốc gia và sự phát triển của đất nước.

Đạo đức công vụ là một dạng của đạo đức xã hội, biểu hiện qua đạo đức của mỗi cán bộ, công chức khi thực thi công vụ. Đồng thời, đó cũng là ĐĐNN của mỗi cá nhân, góp phần hoàn thiện năng lực, phẩm chất của một con người cụ thể. ĐĐNN tồi thì không thể là một con người có nhân cách tốt. Do vậy, xây dựng đạo đức công vụ là góp phần nâng cao và hoàn thiện ĐĐNN của cá nhân, xây dựng và phát triển nhân cách của mỗi cán bộ, công chức.

## 2. Vai trò của đạo đức công chức.

### a. ĐĐNN là giá trị xã hội.

Công chức gắn với hoạt động, quan hệ của họ, chủ yếu là hoạt động thực thi chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước (công vụ) chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội, trong tổ chức và hoạt động của nhà nước. Do vậy, từ xưa đến nay, vấn đề ĐĐCC luôn được sự quan tâm của các quốc gia, dân tộc, nhà nước; gắn với sự hưng thịnh hay suy vong của đất nước.

Trong xã hội hiện đại, đạo đức của đội ngũ công chức là một trong 4 yếu tố cơ bản tạo nên năng lực xã hội của một quốc gia: sự quyết tâm của các nhà chính trị; đạo đức của đội ngũ công chức; sự mạo hiểm kinh doanh của các thương nhân; sự thành thạo tay nghề của người lao động.

Nhà nước ra đời, tồn tại và phát triển gắn với các quốc gia, dân tộc với những giá trị, truyền thống, tập quán, văn hoá. Công chức là bộ phận quan trọng cấu thành nhà nước và xã hội, do vậy những quy tắc, giá trị, chuẩn mực đạo đức công vụ, công chức khác nhau ở các quốc gia trong các chế độ chính trị khác nhau,

nhưng bao giờ cũng được xây dựng dựa trên những giá trị cốt lõi của quốc gia (hay trên nền tảng triết lý của quốc gia).

Ở Việt Nam, ĐĐCC được xây dựng trên những giá trị cốt lõi văn hoá, truyền thống Việt Nam, trên nền tảng Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân; nhân dân là chủ, cán bộ, công chức là công bộc của dân. Giá trị cao nhất của ĐĐCC là phục vụ nhân dân.

*b. ĐĐCC là góp phần nâng cao ĐĐNN và hoàn thiện nhân cách của cán bộ, công chức.*

ĐĐCC là mặt cơ bản của văn hoá công sở của người công chức. Người có học vấn nhưng thiếu đạo đức không thể được coi là người có văn hoá. Đạo đức công chức tự biểu hiện như là những giá trị nhân văn lớn lao trong công chức, bởi vì nó nâng cao con người, nâng cao phẩm giá con người, kích thích phát triển tính người trong con người. Theo nghĩa đó, ĐĐCC thực hiện chức năng giáo dục cho đội ngũ công chức nói riêng và cho toàn xã hội nói chung, nhờ chức năng này đã góp phần tạo nên tiến bộ đạo đức của các cá nhân công chức và cả đội ngũ công chức. ĐĐCC tạo nên môi trường giáo dục đạo đức; không có môi trường này thì không có giáo dục đạo đức. Nhận thức đạo đức được thực hiện bằng cách thông tin và đánh giá đạo đức. Nhận thức đạo đức đem lại cho công chức những tri thức về đạo đức; những tri thức về giá trị đạo đức và về các phương thức tạo ra những giá trị đó. Nhờ có tri thức này mà từng cá nhân công chức có niềm tin về tính tất yếu, tính hợp lý của đạo đức công vụ, công chức. Niềm tin này là tiền đề để cá nhân công chức thực hành theo ĐĐCC.

*c. ĐĐCC góp phần khai thác tối đa tiềm năng con người trong nền công vụ.*

Nhà nước đòi hỏi và đặt ra những giá trị, chuẩn mực, hành vi đạo đức đối với công chức (với cả đội ngũ công chức, cũng như với từng công chức) và xã hội dựa vào

những giá trị, chuẩn mực, hành vi đó để đánh giá công chức.

Đạo đức thuộc lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội, xét đến cùng là do tồn tại xã hội quyết định. Do vậy, những giá trị, chuẩn mực đạo đức mà xã hội, nhà nước đặt ra, đòi hỏi ở người công chức vừa là kết quả vừa là yêu cầu của sự phát triển xã hội. Những giá trị, chuẩn mực đó có sự kế thừa phát triển, có sự thay đổi cùng với sự thay đổi của xã hội, của đời sống kinh tế.

ĐĐCC còn là sự đánh giá, thừa nhận của xã hội về những giá trị, chuẩn mực đạo đức tốt đẹp của công chức. Nó là kết quả của quá trình tu dưỡng, rèn luyện của công chức.

Đối với người công chức, việc nhận thức được những giá trị, chuẩn mực đạo đức là cần thiết, nhưng chưa đủ, mà còn phải rèn luyện theo những giá trị, chuẩn mực đó để trở thành những giá trị, chuẩn mực đạo đức của bản thân mình.

Hầu hết những quy tắc, chuẩn mực, giá trị ĐĐCC ở các quốc gia đều được luật hoá trong các văn bản pháp luật, từ *Hiến pháp*, luật, văn bản dưới luật thành những quy tắc, chuẩn mực, giá trị pháp luật về ĐĐCC.

Quy tắc, chuẩn mực, giá trị đạo đức công vụ, công chức và pháp luật về đạo đức công vụ, công chức có quan hệ với nhau nhưng không đồng nhất. Pháp luật về ĐĐCC là những quy tắc, chuẩn mực, giá trị đạo đức do nhà nước đặt ra, được điều chỉnh bằng sức mạnh nhà nước, nó là những đòi hỏi tối thiểu đối với hành vi của công chức (chủ yếu là những hành vi trong công vụ).

Quy tắc, chuẩn mực, giá trị đạo đức công vụ, công chức còn do xã hội dân sự đặt ra đối với người công chức, được điều chỉnh bởi dư luận xã hội và lương tâm của người công chức. Nó không chỉ là những đòi hỏi tối thiểu mà từ tối thiểu đến tối đa hành vi của người công chức (chủ yếu là hành vi trong thực thi công vụ). Giá trị,

chuẩn mực đạo đức công vụ, công chức không chỉ liên quan đến hành vi mà cả ý thức trong việc thực hiện hành vi. Do vậy, việc tuân thủ những giá trị, chuẩn mực đạo đức công vụ, công chức đòi hỏi phải có sự nỗ lực về ý chí của đội ngũ công chức.

*d. ĐĐCC góp phần phòng, chống tham nhũng.*

ĐĐCC tạo sức ép lên ý thức đạo đức của cá nhân công chức, buộc cá nhân phải tiếp nhận sự phê phán của xã hội và những yêu cầu được thể hiện trong sự phê phán đó. Do đó, những giá trị, chuẩn mực chung của ĐĐCC uốn nắn hành vi của cá nhân công chức theo yêu cầu của xã hội là bảo vệ và tăng cường lợi ích xã hội.

Với ý nghĩa đó, ĐĐCC là công cụ hữu hiệu để ngăn chặn, phòng ngừa những vi phạm đạo đức của người cán bộ, công chức, phòng ngừa tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

*d. ĐĐCC thống nhất quyền lực trong bộ máy nhà nước.*

Pháp luật là hệ thống các quy phạm có tính chất bắt buộc chung và được thực hiện lâu dài nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, do nhà nước ban hành (hoặc thừa nhận) thể hiện ý chí nhà nước và được nhà nước bảo đảm thực hiện bởi các biện pháp tổ chức, giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế bằng bộ máy nhà nước. Pháp luật là công cụ để thực hiện quyền lực nhà nước và là cơ sở pháp lý cho đời sống xã hội có nhà nước.

Có thể thấy, pháp luật và đạo đức đều là các quy phạm xã hội có chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội nói chung và các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực công vụ nói riêng. Tuy nhiên, các quy phạm đạo đức được bảo đảm thực hiện bằng dư luận xã hội và không có giá trị bắt buộc chung như các quy phạm pháp luật, không được bảo đảm thi hành bằng nhà nước. Từ sự phân tích đó, có thể thấy,

những nét tương đồng và sự khác biệt giữa đạo đức và luật pháp để từ đó đi tới một nhận thức đầy đủ về mối tương quan mật thiết giữa pháp luật và đạo đức công vụ, công chức. Trong một số trường hợp nhất định, các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức truyền thống, lành mạnh, có giá trị đã được thể chế hoá thành luật pháp.

Năm 1950, trong hoàn cảnh rất khó khăn của cuộc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí Sắc lệnh số 76/SL ngày 20-5-1950 ban hành Quy chế Công chức. Trong quy chế này, đạo đức người công chức đã được khẳng định: “công chức Việt Nam phải đem tất cả sức lực và tâm trí, theo đúng đường lối của Chính phủ và nhằm lợi ích của nhân dân mà làm việc... Công chức Việt Nam phải phục vụ nhân dân, trung thành với Chính phủ, tôn trọng kỉ luật, có tinh thần trách nhiệm và tránh làm những việc có hại đến thanh danh công chức hay đến sự hoạt động của bộ máy nhà nước. Công chức Việt Nam phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Có thể thấy, ngay từ Quy chế Công chức đầu tiên của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, những giá trị đạo đức tốt đẹp của con người nói chung và người cán bộ, công chức nói riêng đã được thể chế hoá thành luật pháp. Tiếp tục kế thừa những giá trị đó, Điều 8 *Hiến pháp* năm 1980, bản *Hiến pháp* đầu tiên khi cả nước thống nhất cùng đi lên xây dựng CNXH, đã quy định “Tất cả các cơ quan nhà nước và nhân viên nhà nước phải hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nghiêm cấm mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền”. Lần đầu tiên, trách nhiệm của người công chức đã được quy định trong một văn bản có giá trị pháp lý cao nhất của Nhà nước Việt Nam.

*(Xem tiếp trang 46).*

bị lây nhiễm HIV/AIDS.

Nhà nước cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện hệ thống chế độ, chính sách cụ thể, thiết thực cho việc triển khai các chương trình và giải pháp hành động trong quá trình can thiệp, hỗ trợ, chữa trị, chăm sóc, nuôi dưỡng những bệnh nhân HIV/AIDS, đặc biệt đối với trẻ em nói chung, trẻ mồ côi nói riêng đã bị nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng. Đồng thời, Nhà nước nghiên cứu xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa ngành Y tế với các cơ quan, ban ngành, chính quyền các cấp, các đoàn thể, tổ chức xã hội. Thực hiện xã hội hóa trong phòng, chống HIV/AIDS, có chính sách khuyến khích, động viên và tạo điều kiện thỏa đáng đối với các thành viên và những người tham gia hoạt động trực tiếp trong phòng, chống HIV/AIDS. Đi đôi với việc nghiên cứu phát triển các hình thức câu lạc bộ đã được triển khai trong thực tiễn có hiệu quả, cần triển khai các mô hình thí điểm tổ chức các trung tâm xã hội chuyên trách lo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, chữa trị và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS, đặc biệt đối với trẻ em tại cộng đồng và khu dân cư, dưới sự hướng dẫn và

chỉ đạo chuyên môn của ngành Y tế. Có chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng công tác cho đội ngũ những người trực tiếp làm công tác và hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các tổ chức và cộng đồng quốc tế cho các chương trình phòng, chống HIV/AIDS. Tổ chức, quản lý và sử dụng hợp lý sự giúp đỡ đó, nâng cao hiệu quả phòng, chống HIV/AIDS ở nước ta, phấn đấu đến năm 2010 đạt mục tiêu chiến lược của Nhà nước đề ra là khống chế tỉ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dưới 0,3%, giảm đến mức thấp nhất tác hại của dịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước□

Tài liệu tham khảo.

1. Báo cáo trong phiên họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc.
2. Báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội thảo “Dự phòng và điều trị HIV cho nhóm người tình dục đồng giới tại Việt Nam”, tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 15-9 đến ngày 17-9-2005.

\* \* \* \* \*

## VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC CÔNG CHỨC...

(Tiếp theo trang 42)

*Hiến pháp* năm 1992 tiếp tục quy định “Các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng”. Điều 2 *Pháp lệnh Cán bộ, công chức* sửa đổi năm 2003 đã quy định “Cán bộ, công chức là công bộc của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, phải không ngừng rèn luyện

phẩm chất đạo đức, học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác để thực hiện tốt nhiệm vụ, công vụ được giao”. Rõ ràng, pháp luật là phương tiện cơ bản để điều chỉnh hành vi đạo đức của người cán bộ, công chức và thống nhất quyền lực của Nhà nước trong các văn bản pháp luật□

1. Học viện Hành chính Quốc gia: *Tài liệu bồi dưỡng về quản lý hành chính nhà nước chương trình chuyên viên*, phần I, tr. 91.
2. *Pháp lệnh Cán bộ, công chức*, NXB CTQG, H.2004, tr.43.